

Bản án số: **24/2025/DS-ST**
Ngày 01 tháng 8 năm 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Toàn và bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần X1; Địa chỉ: số C T, phường M, thành phố L (nay là số C T, phường L), tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh X, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Lê V, sinh năm: 1981; Địa chỉ: số C T, phường M, thành phố L (nay là số C T, phường L), tỉnh An Giang. ĐT: 0945.432.683 (theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2025 của Công ty cổ phần X1)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm; 1979; Địa chỉ: Số I, đường B, khóm B, phường B, thành phố L (nay là số I, đường B, khóm B, phường B), tỉnh An Giang. ĐT: 0919.303.172; 0389.496.817.

(*Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Lê V có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn ông Đoàn Lê V trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ N có phát sinh mua bê tông trộn sẵn với Chi nhánh Công ty cổ phần X1 – Xí nghiệp sản xuất bê tông và gạch không nung theo hợp đồng số 625/HĐKT.2022 ký ngày 22/7/2022. Bà N liên hệ đặt hàng bằng điện thoại, fax từ ngày 26/7/2022 đến ngày 24/10/2022 với số tiền phát sinh nợ mua hàng là 69.560.000 đồng và số tiền phát sinh đã thanh toán là 48.840.000 đồng. Như vậy, bà N còn phải trả cho Công ty cổ phần X1 số tiền 20.700.000 đồng và đã quá hạn thanh toán.

Xí nghiệp đã liên hệ nhiều lần với bà N để đối chiếu công nợ, thông báo nhắc nhở, đôn đốc trả nợ nhưng bà N vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ, gây ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của xí nghiệp.

Công ty cổ phần X1 yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N trả số tiền nợ gốc 20.720.000 đồng và lãi chậm trả theo điều III của hợp đồng từ ngày 10/8/2022 đến 15/7/2025 tạm tính là 7.390.133 đồng, tổng cộng 28.110.133 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử xong.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Lê V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty cổ phần X1 (viết tắt là Công ty) có đăng ký giấy phép kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, còn bà Phạm Thị Mỹ N với tư cách là cá nhân ký hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng mua bán hàng hóa) và bà N có nơi cư trú tại phường B, thành phố L (nay là phường B), tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn do ông Đoàn Lê V là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại hợp đồng kinh tế số 625/HĐKT.2022 ngày 22/7/2022 đã ghi rõ địa chỉ của bà N. Do đó căn cứ vào Điều

5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang) tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng bị đơn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, điều này cho thấy đương sự đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, đồng thời, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Ông Nguyễn Thanh X là người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho ông Đoàn Lê V (nhân viên kế toán của Công ty, theo giấy ủy quyền 40/GUQ.XL ngày 09/4/2025). Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 22/7/2022, giữa Công ty cổ phần X1 và bà Phạm Thị Mỹ N có ký hợp đồng kinh tế về việc cung cấp bê tông trộn sẵn số 625/HĐKT.2022 để mua sản phẩm bê tông trộn sẵn. Trong quá trình liên hệ đặt hàng thì bà N phát sinh số tiền nợ mua hàng là 69.560.000 đồng và đã thanh toán được 48.840.000 đồng, còn nợ lại 20.720.000 đồng. Công ty cổ phần X1 đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà N vẫn không thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, Công ty cổ phần X1 đã thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận nhưng bà N không thanh toán tiền mua vật tư theo hợp đồng mà các bên đã ký, mặc dù đã được Công ty cổ phần X1 nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Do đó, Công ty cổ phần X1 khởi kiện yêu cầu bà N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 20.720.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 20.720.000 đồng nên căn cứ theo Điều 3 của hợp đồng kinh tế số 625/HĐKT.2022 ngày 22/7/2022 được ký giữa Công ty cổ phần X1 và bà Phạm Thị Mỹ N thì các bên có thỏa thuận áp dụng lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, buộc bà N phải có trách nhiệm thanh toán lãi suất từ ngày 10/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2025 là 02 năm 11 tháng 22 ngày (tức 1088 ngày) như sau:

$20.720.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 1.088 \text{ ngày} = 12.352.526 \text{ đồng}.$

[2.3] Như vậy, bà Phạm Thị Mỹ N phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần X1 là:

$20.720.000 \text{ đồng} + 12.352.526 \text{ đồng} = 33.072.526 \text{ đồng}$ (tạm tính đến ngày 01/8/2025), trong đó: nợ gốc 20.720.000 đồng và lãi 12.352.526 đồng.

[3] Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Công ty cổ phần X1 được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, Điều 128, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 430, 431, 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X1 đối với bà Phạm Thị Mỹ N.

[1] Buộc bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần X1 tổng cộng là 33.072.526 đồng (*ba mươi ba triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng*) (tạm tính đến ngày 01/8/2025), trong đó: nợ gốc 20.720.000 đồng (*hai mươi triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) và lãi 12.352.526 đồng (*mười hai triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.654.000 đồng (*một triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

Công ty cổ phần X1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 641.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002825 ngày 07/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 9 – An Giang;
- Phòng THADS KV9-THADS tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung